TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/DS-PT
Ngày 02 - 4 - 2019
V/v tranh chấp thanh toán
hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm.

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn;

Ông Phạm Văn Tuệ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018, về việc tranh chấp thanh toán hợp đồng tín dụng. Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXX-PT ngày 14 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đường Thị N, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng H - Luật sư Văn phòng luật sư S thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn;

- *Bị đơn:* Ngân hàng N1, Chi nhánh huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N1, Chi nhánh huyện T, tỉnh Lạng Sơn: Ông Đào Anh T2 - Phó giám đốc Ngân hàng N1, Chi nhánh huyện T, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền ngày 26/4/2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

2. Ông Mông Dũng T1, sinh năm 1962; nơi cư trú: Đường H1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

3. Bà Nguyễn Hồng H2, sinh năm 1972; nơi cư trú: Đường P, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960; nơi cư trú: Phố C, khu N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Đường Thị N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Đường Thị N và nội dung Bản án dân sự của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn được tóm tắt như sau:

- Lần 1: Ngày 05 tháng 12 năm 2010 bà Đường Thị N gửi tiết kiệm tại Ngân hàng N1, huyện T 53.238.000 đồng kỳ hạn 03 tháng, lãi xuất 13,5%/1 năm, bà đã rút cả gốc và lãi được 55.034.900 đồng,

- Lần 2: Bà Đường Thị N gửi tiết kiệm 100.000.000 đồng, sổ tiết kiệm này chưa nhận được tiền lãi và tiền gốc. Do không rút trước hạn được nên bà Đường Thị N đã dùng số tiền này làm thế chấp vay Ngân hàng 20.000.000 đồng, đến ngày 26/10/2012 bà Đường Thị N đã trả đủ số tiền vay và đã được ông Mông Dũng T cán bộ Ngân hàng trả lại sổ tiết kiệm.

- Lần 3: Năm 2012 bà Đường Thị N tiếp tục gửi tiết kiệm 50.000.000 đồng, sau đó dùng sổ tiết kiệm này thế chấp vay số tiền 50.000.000 đồng và trả đủ cả gốc và lãi cho Ngân hàng.

- Lần 4: Năm 2013 bà Đường Thị N tiếp tục gửi số tiền 100.000.000 đồng, nay vẫn chưa rút cả gốc và lãi.

- Lần 5: Năm 2014 bà Đường Thị N gửi 01 sổ tiết kiệm 110.000.000 đồng, nay vẫn chưa nhận được cả gốc và lãi.

Bà Đường Thị N cho rằng còn có 03 sổ tiết kiệm năm 2011, 2013, 2014 bà Đường Thị N chưa được rút tiền, với tổng số là 310.000.000 đồng, nhưng khi ra Ngân hàng tất toán các sổ tiết kiệm thì Ngân hàng lại cho là bà Đường Thị N đã rút hết tiền. Ngày 17/02/2014 bà Đường Thị N có gửi vào tài khoản 101.011.111 đồng nhưng Ngân hàng lại cho rằng đó là số tiền bà Đường Thị N vay, trả nợ vì đã cầm sổ tiết kiệm năm 2014 (lần 5) trị giá là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên bà Đường Thị N không được cầm cố sổ tiết kiệm để vay số tiền 100.000.000 đồng, cán bộ Ngân hàng là bà Vũ Thị L, ông Mông Dũng T1 làm giả giấy tờ hồ sơ vay tiền không đúng sự thật. Ngoài ra bà Đường Thị N có gửi 10.000.000 đồng vào tài khoản của bà nhưng Ngân hàng cũng không chuyển tiền vào tài khoản cho bà. Nay bà Đường Thị N, khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng N1, huyện T, tỉnh Lạng Sơn trả tiền cho bà Đường Thị N với tổng số tiền cả gốc và lãi là 421.000.000 đồng.

Bị đơn Ngân hàng N1, Chi nhánh huyện T, tỉnh Lạng Sơn, trình bày: Từ năm 2010 đến năm 2014 bà Đường Thị N có gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng N1, Chi nhánh huyện T, tỉnh Lạng Sơn 5 lần (05 sổ), cụ thể từng lần như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 06/12/2010 bà Đường Thị N gửi tiết kiệm 50.000.000 đồng, kỳ hạn gửi 3 tháng, lãi suất 12%/năm (Giấy gửi tiền ngày 06/12/2010). Chi nhánh huyện T, đã phát hành sổ tiết kiệm số IC 7442139 cho bà Đường Thị N. Ngày 06/09/2011 bà Đường Thị N đã mang sổ tiết kiệm trên đến rút tiền, tổng số tiền gốc và lãi là 55.034.900 đồng (Giấy rút tiền ngày 06/09/2011 và sổ tiết kiệm số IC 7442139). Trên Giấy rút tiền ngày 06/09/2011 và sổ tiết kiệm số IC 7442139 có chữ ký của bà Đường Thị N đầy đủ.

- Lần thứ hai: Ngày 06/09/2011 bà Đường Thị N gửi tiết kiệm 100.000.000 đồng, kỳ hạn gửi 13 tháng, lãi suất 14%/năm (Giấy gửi tiền ngày 06/09/2011). Chi nhánh huyện T, tỉnh Lạng Sơn đã phát hành sổ tiết kiệm số ID 1702591 cho bà Đường Thị N. Ngày 08/10/2012 bà Đường Thị N đã mang sổ tiết kiệm trên đến rút tiền, tổng số tiền gốc và lãi là 115.175.000 đồng (Chứng từ giao dịch ngày 08/10/2012 và sổ tiết kiệm số ID 1702591). Trên Chứng từ giao dịch và sổ tiết kiệm số ID 1702591 có chữ ký của bà Đường Thị N đầy đủ.

- Lần thứ ba: Ngày 23/07/2012 bà Đường Thị N gửi tiết kiệm 50.000.000 đồng, kỳ hạn gửi 3 tháng, lãi suất 8,8%/năm (Giấy gửi tiền ngày 23/07/2012). Chi nhánh huyện T, tỉnh Lạng Sơn đã phát hành sổ tiết kiệm số ID 5903437 cho bà Đường Thị N. Ngày 27/08/2012 bà Đường Thị N đã mang sổ tiết kiệm trên đến rút tiền, tổng số tiền gốc và lãi là 50.116.700 đồng (Giấy rút tiền ngày 27/08/2012 và sổ tiết kiệm số ID 5903437). Trên Giấy rút tiền và sổ tiết kiệm số ID 5903437 có chữ ký của bà Đường Thị N đầy đủ.

- Lần thứ tư: Ngày 27/02/2013 bà Đường Thị Năm gửi tiết kiệm 100.000.000 đồng, kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 10%/năm (Giấy gửi tiền ngày 27/02/2013). Agribank Chi nhánh huyện T, tỉnh Lạng Sơn đã phát hành sổ tiết kiệm số ID 9101125 cho bà Đường Thị N. Ngày 28/02/2014 bà Đường Thị N đã mang sổ tiết kiệm trên đến rút tiền, tổng số tiền gốc và lãi là 110.003.100 đồng. Trên Chứng từ giao dịch và sổ tiết kiệm số ID 9101125 có chữ ký của bà Đường Thị N đầy đủ.

- Lần thứ năm: Ngày 28/02/2014 bà Đường Thị N gửi tiết kiệm 110.000.000 đồng, kỳ hạn gửi 3 tháng, lãi suất 7%/năm (Giấy gửi tiền ngày 28/02/2014). Chi nhánh huyện T, tỉnh Lạng Sơn đã phát hành sổ tiết kiệm số IE 4317092 cho bà Đường Thị N. Ngày 02/06/2014 bà Đường Thị N đã mang sổ tiết kiệm trên đến rút, tổng số tiền gốc và lãi là 111.930.000 đồng. Trên Chứng từ giao dịch và sổ tiết kiệm số IE 4317092 có chữ ký của bà Đường Thị N đầy đủ.

Về các khoản vay cầm cố: Từ năm 2012 đến năm 2014 bà Đường Thị N có vay cầm cố sổ tiết kiệm tại Chi nhánh huyện T, tỉnh Lạng Sơn 03 lần (03 hợp đồng), cụ thể:

- Khoản vay cầm cố thứ nhất: Ngày 26/09/2012 bà Đường Thị N vay Chi nhánh huyện T, tỉnh Lạng Sơn số tiền 20.000.000 đồng, hạn trả ngày 07/10/2012, lãi suất 16%/năm, cầm cố bằng sổ tiết kiệm số ID 1702591 số tiền trên sổ là 100.000.000 đồng (Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 8408-LAV-20121140/HĐ ngày 26/09/2012). Ngày 08/10/2012 bà Đường Thị N tất toán khoản vay trên vào ngày 08/10/2012. Trên hồ sơ vay vốn, tất toán có chữ ký của bà Đường Thị N đầy đủ.

- Khoản vay cầm cố thứ hai: Ngày 23/09/2013 bà Đường Thị N vay Chi nhánh huyện T, số tiền 50.000.000 đồng, hạn trả ngày 27/02/2014, lãi suất 13%/năm, cầm cố bằng sổ tiết kiệm số ID 9101125 số tiền trên sổ là 100.000.000 đồng (Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 8408-LAV-201301318 ngày 23/09/2013). Trên hồ sơ vay vốn có chữ ký của bà Đường Thị N đầy đủ. Ngày 20/01/2014 bà Đường Thị N đã trả nợ Ngân hàng (tất toán) khoản vay trên bằng tiền mặt, tổng số tiền gốc và lãi là 52.148.611 đồng (Chứng từ giao

dịch ngày 20/01/2014). Trên Chứng từ giao dịch ngày 20/01/2014 có chữ ký của bà Đường Thị N đầy đủ.

- Khoản vay cầm cố thứ ba: Trong ngày 20/01/2014 bà Đường Thị N lại vay tiếp Chi nhánh huyện T, số tiền 100.000.000 đồng, hạn trả ngày 27/02/2014, lãi suất 1,083%/tháng, cầm cố bằng sổ tiết kiệm số ID 9101125 số tiền trên sổ là 100.000.000 đồng (Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 8408-LAV-2014 HĐTD ngày 20/01/2014), sổ tiết kiệm số ID 9101125 cũng chính là sổ đã dùng để cầm cố vay 50 triệu đồng ngày 23/09/2013. Trên hồ sơ vay vốn có chữ ký của bà Đường Thị N đầy đủ. Ngày 17/02/2014 bà Đường Thị N đã trả nợ Ngân hàng (tất toán) khoản vay trên bằng tiền mặt, tổng số tiền gốc và lãi là 101.011.111 đồng (Chứng từ giao dịch ngày 17/02/2014). Trên Chứng từ giao dịch ngày 17/02/2014 có chữ ký của bà Đường Thị N đầy đủ.

Với nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; 464; 465; 466; 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

2. Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đường Thị N đòi Ngân hàng N1, Chi nhánh tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn; thanh toán số tiền là: 421.000.000đ *(Bốn trăm hai mươi mốt triệu đồng)*.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 31/7/2018 và ngày 06 tháng 8 năm 2018 bà Đường Thị N là nguyên đơn có kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau:

Buộc Ngân hàng N1, Chi nhánh huyện T, thanh toán toàn bộ số tiền gốc là 421.000.000đ *(Bốn trăm hai mươi mốt triệu đồng)* và trả tiền lãi xuất theo quy định của Ngân hàng quy định, kể từ thời điểm bà Đường Thị N gửi tiền đến khi giải quyết xong vụ án.

Ngày 18/9/2018 bà Đường Thị N có đơn yêu cầu Tòa án tỉnh Lạng Sơn, ra Quyết định trưng cầu giám định lại chữ ký và đề nghị giám định tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an, gửi theo đơn là 08 tài liệu.

Tại Bản kết luận giám định số 334/C09-P5 ngày 12/12/2018 của Viện khoa học Hình sự Bộ Công an kết luận:

- Chữ ký đứng tên Đường Thị N dưới các mục: "Đại diện bên B" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1; "Khách hàng" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2, A6, A7; "Người vay" trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 và "Customer" trên mẫu cần giám định ký hiệu A4, A5 so với chữ ký mang tên Đường Thị N trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 do cùng một người ký ra.

- Các chữ "Đường Thị N" dưới mục "Khách hàng" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2, A6 và dưới mục "Customer" trên mẫu cần giám định ký hiệu A4, A5

so với chữ viết mang tên Đường Thị N trên các mẫu so sánh ký hiệu M4, M5, M6 do cùng một người viết ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đường Thị N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đường Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật, các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết luận giám định của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, lời khai của các đương sự tại phiên tòa. Khẳng định các chứng từ giao dịch vay tiền, gửi tiền, rút tiền, tất toán đều thể hiện việc bà Đường Thị N đã được thanh quyết toán đầy đủ, có chữ ký của bà Đường Thị N. Do vậy việc bà Đường Thị N cho rằng cán bộ Ngân hàng N, Chi nhánh tại huyện T, làm giả hồ sơ, chữ ký của bà Đường Thị N trong việc thanh toán các khoản tiền gửi, tiền vay, cầm cố và không trả cho bà số tiền 421.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là không có căn cứ và không được chấp nhận. Đối với khoản tiền bà Đường Thị N khai ngày 08/8/2014 nộp vào tài khoản 10.000.000 đồng, tuy nhiên theo sổ phụ ngày 28/8/2014 đã có khoản tiền này. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Đường Thị N Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ năm 2010 đến năm 2014 bà Đường Thị N có gửi tiền tiết kiệm tại Chi nhánh huyện T, 5 lần (05 sổ), cụ thể:

[3] Lần thứ nhất: Ngày 06/12/2010 bà Đường Thị N gửi tiết kiệm 50.000.000 đồng, kỳ hạn gửi 3 tháng, lãi suất 12%/năm (Giấy gửi tiền ngày 06/12/2010). Chi nhánh huyện T, đã phát hành sổ tiết kiệm số IC 7442139 cho bà Đường Thị N.

[4] Lần thứ hai: Ngày 06/09/2011 bà Đường Thị N gửi tiết kiệm 100.000.000 đồng, kỳ hạn gửi 13 tháng, lãi suất 14%/năm (Giấy gửi tiền ngày 06/09/2011). Chi nhánh huyện T, đã phát hành sổ tiết kiệm số ID 1702591 cho bà Đường Thị N.

[5] Lần thứ ba: Ngày 23/07/2012 bà Đường Thị N gửi tiết kiệm 50.000.000 đồng, kỳ hạn gửi 3 tháng, lãi suất 8,8%/năm (Giấy gửi tiền ngày 23/07/2012). Chi nhánh huyện T đã phát hành sổ tiết kiệm số ID 5903437 cho bà Đường Thị N.

[6] Lần thứ tư: Ngày 27/02/2013 bà Đường Thị N gửi tiết kiệm 100.000.000 đồng, kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 10%/năm (Giấy gửi tiền ngày 27/02/2013). Chi nhánh huyện T, đã phát hành sổ tiết kiệm số ID 9101125 cho bà Đường Thị N.

[7] Lần thứ năm: Ngày 28/02/2014 bà Đường Thị N gửi tiết kiệm 110.000.000 đồng, kỳ hạn gửi 3 tháng, lãi suất 7%/năm (Giấy gửi tiền ngày

28/02/2014). Chi nhánh huyện T, đã phát hành sổ tiết kiệm số IE 4317092 cho bà Đường Thị Năm.

[8] Trong 5 lần gửi trên bà Đường Thị N cho rằng bà không được nhận tiền với Ngân hàng từ 03 sổ tiết kiệm là: Sổ ngày 06/09/2011 bà Đường Thị N gửi tiết kiệm 100.000.000 đồng; sổ ngày 27/02/2013 bà Đường Thị N gửi tiết kiệm 100.000.000 đồng; sổ ngày 28/02/2014 bà Đường Thị N gửi tiết kiệm 110.000.000 đồng.

[9] Căn cứ vào các chứng từ gửi tiền của bà Đường Thị N và các chứng từ đã thanh toán (tất toán) của Ngân hàng huyện T, tỉnh Lạng Sơn có lưu trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Chi nhánh Ngân hàng N1, huyện T, tỉnh Lạng Sơn đã thanh toán cho bà Đường Thị N đầy đủ, sau các lần gửi và rút tiền (tất toán) đều có chứng từ thanh quyết toán giữa bên nhận tiền và bên trả tiền.

[10] Ngày 06/09/2011 bà Đường Thị N gửi tiết kiệm 100.000.000 đồng, kỳ hạn gửi 13 tháng, lãi suất 14%/năm (Giấy gửi tiền ngày 06/09/2011). Chi nhánh huyện T, tỉnh Lạng Sơn đã phát hành sổ tiết kiệm số ID 1702591 cho bà Đường Thị N. Ngày 08/10/2012 bà Đường Thị N đã mang sổ tiết kiệm trên đến rút tiền, tổng số tiền gốc và lãi là 115.175.000 đồng (Chứng từ giao dịch ngày 08/10/2012 và sổ tiết kiệm số ID 1702591). Trên Chứng từ giao dịch và sổ tiết kiệm số ID 1702591 có chữ ký của bà Đường Thị N đầy đủ.

[11] Ngày 27/02/2013 bà Đường Thị N gửi tiết kiệm 100.000.000 đồng, kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 10%/năm (Giấy gửi tiền ngày 27/02/2013). Chi nhánh huyện T, tỉnh Lạng Sơn đã phát hành sổ tiết kiệm số ID 9101125 cho bà Đường Thị N. Ngày 28/02/2014 bà Đường Thị N đã mang sổ tiết kiệm trên đến rút tiền, tổng số tiền gốc và lãi là 110.003.100 đồng. Trên Chứng từ giao dịch và sổ tiết kiệm số ID 9101125 có chữ ký của bà Đường Thị N đầy đủ.

[12] Ngày 28/02/2014 bà Đường Thị N gửi tiết kiệm 110.000.000 đồng, kỳ hạn gửi 3 tháng, lãi suất 7%/năm (Giấy gửi tiền ngày 28/02/2014). Chi nhánh huyện T, tỉnh Lạng Sơn đã phát hành sổ tiết kiệm số IE 4317092 cho bà Đường Thị N. Ngày 02/06/2014 bà Đường Thị N đã mang sổ tiết kiệm trên đến rút, tổng số tiền gốc và lãi là 111.930.000 đồng. Trên Chứng từ giao dịch và sổ tiết kiệm số IE 4317092 có chữ ký của bà Đường Thị N đầy đủ.

[13] Như vậy, bà Đường Thị N cho rằng bà không được nhận tiền với Ngân hàng từ 03 sổ tiết kiệm nêu trên là không có căn cứ.

[14] Đối với các khoản vay cầm cố bằng sổ tiết kiệm: Bà Đường Thị N đã 03 lần vay bằng cầm cố sổ tiết kiệm với Chi nhánh huyện T, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể các lần như sau: Ngày 26/9/2012 vay 20 triệu đồng, đã tất toán vào ngày 08/10/2012; ngày 23/9/2013 vay 50 triệu đồng, đã tất toán vào ngày 20/01/2014; ngày 20/01/2014 bà Đường Thị N vay tiếp 100 triệu đồng, đã tất toán vào ngày 17/02/2014. Cả 03 lần giao dịch nêu trên đều có chữ ký của bà Đường Thị N đầy đủ.

[15] Tại cấp phúc thẩm bà Đường Thị N cho rằng phía Ngân hàng đã giả mạo chữ ký của bà để tất toán các khoản tiền của 03 sổ tiết kiệm là: Sổ ngày 06/09/2011 bà Đường Thị N gửi tiết kiệm 100.000.000 đồng; sổ ngày 27/02/2013 bà Đường Thị N gửi tiết kiệm 100.000.000 đồng; sổ ngày 28/02/2014 bà Đường

Thị N gửi tiết kiệm 110.000.000 đồng và đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký theo biên lai chứng từ đã thanh toán (tất toán).

[16] Căn cứ Kết luận giám định số 334/C09-P5 ngày 12/12/2018 của Viện khoa học Hình sự Bộ Công an đã kết luận: Các tài liệu, chứng từ và các chữ ký, chữ viết của bà Đường Thị N yêu cầu giám định lại, đối chiếu với chứng từ gốc của Ngân hàng N1, Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn đều là chữ ký và chữ viết của một người viết ra là của bà Đường Thị N.

[17] Như vậy, các chứng từ mà bà Đường Thị N cho rằng Ngân hàng giả mạo chữ ký để tất toán số tiền của 03 lần giửi tiết kiệm, tổng số tiền gốc là 421.000.000đ *(Bốn trăm hai mươi mốt triệu đồng)* và khoản tiền lãi xuất theo quy định của Ngân hàng là không có căn cứ. Cấp sơ thẩm đã xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Đường Thị N là đúng.

[18] Đối với khoản tiền 10.000.000 đồng bà Đường Thị N cho rằng đã gửi vào tài khoản ngày 08/8/2014 nhưng chưa được rút. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của phía bị đơn cho thấy số tiền này đã được thể hiện trong sổ phụ của Ngân hàng và gửi ngày 28/8/2014 và đã được thanh toán nên không có căn cứ để chấp nhận.

[19] Từ những phân tích trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Đường Thị N, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nhận định trên cũng phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[20] Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 160; khoản 1 Điều 161; khoản 2 Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Đường Thị N phải chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng là 5.500.000 đồng. Bà Đường Thị N đã nộp tạm ứng chi phí giám định là 10.000.000đồng (mười triệu đồng). Số tiền còn đã lại cho bà Đường Thị N cò lại 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

[21] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Đường Thị N không được chấp nhận nên cấp sơ thẩm buộc bà Đường Thị N phải chịu số tiền 20.840.000 đồng (hai mươi triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí giá ngạch là đúng.

[22] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do kháng cáo không được Tòa án chấp nhận nên bà Đường Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà Đường Thị N đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2015/0000348 ngày 09/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 161 và khoản 2 Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; 464; 465; 466; 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Khoản 1, 3 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

I. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đường Thị N, về việc yêu cầu Chi nhánh Ngân hàng N1, huyện T, tỉnh Lạng Sơn phải thanh toán trả lại cho bà Đường Thị N số tiền: 421.000.000 đồng (bốn trăm hai mươi mốt triệu đồng) và khoản tiền lãi xuất theo quy định của pháp luật.

II. Về chi phí tố tụng: Bà Đường Thị N phải chịu tiền chi phí giám định là 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng). Xác nhận bà Đường Thị N đã nộp đủ số tiền.

III. Về án phí:

1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đường Thị N phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch là 20.840.000 đồng (hai mươi triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Xác nhận bà Đường Thị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2015/0000270 ngày 20/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn, số tiền còn phải thi hành tiếp là 10.840.000 đồng (mười triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước.

2. Án phí phúc thẩm: Bà Đường Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà Đường Thị N đã nộp tiền án phí phúc thẩm, theo biên lai số AA/2015/0000348 ngày 09/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao HN;
- VKSND Cấp cao HN;
- VKSND tỉnh LS;
- TAND huyện T, tỉnh LS.
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV, THA
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đức Châm